

NGHỊ QUYẾT

**Về danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng
đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 09 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 7015/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 165/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua 1.391 danh mục dự án thu hồi đất năm 2019 với tổng diện tích 5,295.00 ha. Trong đó, 1.187 danh mục sử dụng vốn ngân sách nhà nước với diện tích 3,010.76 ha (đất chuyên trồng lúa nước 191.93 ha, đất trồng lúa nước còn lại 42.69 ha, đất rừng phòng hộ 117.08 ha và đất rừng đặc dụng 28.14 ha) và 204 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước với diện tích 2,284.24 ha (đất chuyên trồng lúa nước 198.54 ha, đất trồng lúa nước còn lại 16.43 ha, đất rừng phòng hộ 1.63 ha và đất rừng đặc dụng 4.0 ha).

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Danh mục dự án, công trình thu hồi đất năm 2019	Diện tích công trình	Sử dụng đất nông nghiệp				
			Tổng	Trong đó			
				LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG (1.391 DANH MỤC)	5,295.00	615.95	390.47	59.12	118.71	32.14
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (1.187 danh mục)	3,010.76	379.22	191.93	42.69	117.08	28.14
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (204 danh mục)	2,284.24	236.74	198.54	16.43	1.63	4.00
1	THÀNH PHỐ TAM KỲ (107 danh mục)	331.25	97.53	86.81	6.14	5.00	-

	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (94 danh mục)	171.26	26.10	19.28	2.24	5.00	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (13 danh mục)	160.25	71.43	67.53	3.9	-	-
2	THÀNH PHỐ HỘI AN (32 danh mục)	130.13	8.40	8.40	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (27 danh mục)	23.44	1.55	1.55	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (05 danh mục)	106.69	6.85	6.85	-	-	-
3	HUYỆN NÚI THÀNH (148 danh mục)	550.95	48.69	29.65	14.19	4.85	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (137 danh mục)	388.61	42.94	27.85	10.24	4.85	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (11 danh mục)	162.34	5.75	1.80	3.95	-	-
4	HUYỆN PHÚ NINH (59 danh mục)	98.72	16.35	15.85	0.50	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (55 danh mục)	88.57	7.22	6.72	0.50	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (4 danh mục)	10.15	9.13	9.13	-	-	-
5	HUYỆN THẮNG BÌNH (51 danh mục)	294.04	53.75	11.44	0.50	41.81	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (49 danh mục)	287.99	53.75	11.44	0.50	41.81	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (02 danh mục)	6.05	-	-	-	-	-
6	HUYỆN QUẾ SƠN (84 danh mục)	151.02	39.47	36.12	3.35	26.00	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (72 danh mục)	117.53	26.34	23.01	3.33	26.00	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (12 danh mục)	33.49	13.13	13.11	0.02	-	-
7	HUYỆN DUY XUYỀN (141 danh mục)	556.41	30.88	22.98	7.9	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (117 danh mục)	503.29	24.19	19.17	5.02	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (24 danh mục)	53.12	6.53	3.81	2.88	-	-
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN (120 danh mục)	646.74	104.43	104.43	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (70 danh mục)	244.59	61.19	61.19	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (50 danh mục)	402.15	43.24	43.24	-	-	-
9	HUYỆN ĐẠI LỘC (66 danh mục)	363.44	38.54	36.95	1.59	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (37 danh mục)	96.80	25.69	24.17	1.52	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (29 danh mục)	266.64	12.85	12.78	0.07	-	-
10	HUYỆN NÔNG SƠN (56 danh mục)	68.43	8.28	0.20	7.75	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (48 danh mục)	55.94	6.56	0.20	6.36	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (8 danh mục)	12.49	1.72	-	1.39	-	-
11	HUYỆN HIỆP ĐỨC (131 danh mục)	439.35	23.54	22.00	1.54	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (124 danh mục)	125.09	8.59	7.10	1.49	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (7 danh mục)	314.26	14.95	14.90	0.05	-	-
12	HUYỆN ĐÔNG GIANG (30 danh mục)	102.15	3.58	0.62	1.06	1.90	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (17 danh mục)	55.95	3.13	0.17	1.06	1.90	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (13 danh mục)	46.20	0.45	0.45	-	-	-
13	HUYỆN TÂY GIANG (18 danh mục)	82.79	18.02	0.30	-	17.72	-

	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (18 danh mục)	82.79	18.02	0.30	-	17.72	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
14	HUYỆN NAM GIANG (42 danh mục)	293.66	16.94	-	-	16.94	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (36 danh mục)	146.31	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (6 danh mục)	147.35	16.94	-	-	16.94	-
15	HUYỆN PHƯỚC SƠN (82 danh mục)	184.16	23.18	3.36	1.02	18.80	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (76 danh mục)	91.51	23.00	3.18	1.02	18.80	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (06 danh mục)	92.65	0.18	0.18	-	-	-
16	HUYỆN TIỀN PHƯỚC (84 danh mục)	239.01	16.99	8.72	8.27	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (81 danh mục)	144.33	14.40	6.97	7.43	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (03 danh mục)	94.68	2.59	1.75	0.84	-	-
17	HUYỆN BẮC TRÀ MY (76 danh mục)	82.49	2.49	2.08	0.41	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (76 danh mục)	82.49	2.49	2.08	0.41	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
18	HUYỆN NAM TRÀ MY (64 danh mục)	680.00	65.10	0.56	4.90	27.50	32.14
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (53 danh mục)	421.80	60.60	0.56	4.90	27.00	28.14
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (11 danh mục)	258.20	4.50	-	-	0.50	4.00

(Chi tiết Phụ lục 1 đính kèm)

2. Thông qua 448 danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 với tổng diện tích là 449.52 ha (đất chuyên trồng lúa nước 247.01 ha, đất trồng lúa nước còn lại 62.3 ha, đất rừng phòng hộ 107.38 ha và đất rừng đặc dụng 32.14 ha). Trong đó, 315 danh mục sử dụng vốn ngân sách nhà nước với diện tích 300.09 ha (đất chuyên trồng lúa nước 163.13 ha, đất trồng lúa nước còn lại 39.13 ha, đất rừng phòng hộ 54.09 ha và đất rừng đặc dụng 28.14 ha) và 133 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước với diện tích 149.43 ha (đất chuyên trồng lúa nước 83.88 ha, đất trồng lúa nước còn lại 23.17 ha, đất rừng phòng hộ 53.29 ha và đất rừng đặc dụng 4.0 ha).

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Danh mục dự án, công trình thực hiện trong năm 2019	Sử dụng đất nông nghiệp				
		Tổng	Trong đó			
			LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG (448 DANH MỤC)	449.52	247.01	62.30	107.38	32.14
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (315 danh mục)	300.09	163.13	39.13	54.09	28.14
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (133 danh mục)	149.43	83.88	23.17	53.29	4.00
1	THÀNH PHỐ TAM KỲ (28 danh mục)	54.81	42.17	7.64	5.00	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (22 danh mục)	40.08	31.34	3.74	5.00	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (06 danh mục)	14.73	10.83	3.9	-	-
2	THÀNH PHỐ HỘI AN (05 danh mục)	2.3	1.8	-	0.5	-

	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (03 danh mục)	1.05	0.55	-	0.5	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (02 danh mục)	1.25	1.25	-	-	-
3	HUYỆN NÚI THÀNH (10 danh mục)	14.68	7.41	2.42	4.85	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (10 danh mục)	14.68	7.41	2.42	4.85	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
4	HUYỆN PHÚ NINH (26 danh mục)	24.24	23.13	1.51	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (23 danh mục)	8.93	7.82	1.51	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (03 danh mục)	15.31	15.31	-	-	-
5	HUYỆN THẮNG BÌNH (32 danh mục)	33.95	12.94	1.59	19.42	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (18 danh mục)	13.94	11.44	0.50	2.0	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (14 danh mục)	20.11	1.5	1.09	17.42	-
6	HUYỆN QUẾ SƠN (66 danh mục)	15.0	8.87	6.13	-	-
	Sử dụng ngân sách nhà nước (27 danh mục)	12.31	8.08	4.23	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (39 danh mục)	2.69	0.79	1.9	-	-
7	HUYỆN DUY XUYỀN (40 danh mục)	20.00	15.35	4.65	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (33 danh mục)	12.63	10.85	1.78	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (7 danh mục)	7.37	4.50	2.87	-	-
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN (55 danh mục)	81.88	81.88	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (37 danh mục)	38.24	38.24	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (18 danh mục)	43.64	43.64	-	-	-
9	HUYỆN ĐẠI LỘC (37 danh mục)	41.75	37.88	3.18	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (23 danh mục)	30.02	26.84	3.18	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách Nhà nước (14 danh mục)	11.73	11.04	-	-	-
10	HUYỆN NÔNG SƠN (25 danh mục)	8.71	0.2	8.18	0.33	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (19 danh mục)	6.56	0.2	6.36	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (06 danh mục)	2.15	-	1.82	0.33	-
11	HUYỆN HIỆP ĐỨC (35 danh mục)	23.54	22.00	1.54	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (28 danh mục)	8.59	7.10	1.49	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (7 danh mục)	14.95	14.90	0.05	-	-
12	HUYỆN ĐÔNG GIANG (15 danh mục)	34.30	1.49	13.27	19.54	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (04 danh mục)	1.23	0.17	1.06	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (11 danh mục)	33.07	1.32	12.21	19.54	-
13	HUYỆN TÂY GIANG (3 danh mục)	15.02	0.30	-	14.72	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (3 danh mục)	15.02	0.30	-	14.72	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
14	HUYỆN NAM GIANG (1 danh mục)	0.02	-	-	0.02	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (01 danh mục)	0.02	-	-	0.02	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-

15	HUYỆN PHƯỚC SƠN (10 danh mục)	19.48	3.36	0.12	16.0	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (9 danh mục)	19.3	3.18	0.12	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (01 danh mục)	0.18	0.18	0.00	0.00	0.00
16	HUYỆN TIỀN PHƯỚC (35 danh mục)	16.99	8.72	8.27	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (33 danh mục)	14.40	6.97	7.43	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (2 danh mục)	2.59	1.75	0.84	-	-
17	HUYỆN BẮC TRÀ MY (13 danh mục)	2.49	2.08	0.41	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (13 danh mục)	2.49	2.08	0.41	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
18	HUYỆN NAM TRÀ MY (12 danh mục)	64.60	0.56	4.90	27.00	32.14
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (9 danh mục)	60.60	0.56	4.90	27.00	28.14
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (3 danh mục)	4.00	-	-	-	4.00

(Chi tiết Phụ lục 1a đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân dân tỉnh

1. Triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các danh mục dự án tại Khoản 1, 2, Điều 1 theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Các danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất liên quan đến rừng tự nhiên thực hiện theo đúng Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ và Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát 88 danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục dự án thu hồi đất năm 2019 chưa đảm bảo thông tin về chủ trương đầu tư, nguồn vốn đầu tư; danh mục đề nghị giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; danh mục dự án đề xuất sai thẩm quyền; dự án kinh doanh đất an táng; dự án kinh doanh thương mại, dịch vụ, dự án xây dựng khu dân cư, khu đô thị, khai thác quỹ đất trên đất chuyên trồng lúa nước nằm dọc quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ để loại bỏ các dự án không đảm bảo theo quy định; đồng thời, xem xét tính khả thi của từng dự án cụ thể trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến bằng văn bản trước khi triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2019, cụ thể:

a) Danh mục dự án thu hồi đất: Gồm 67 danh mục với tổng diện tích 917.49 ha. Trong đó, 24 danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách với diện tích 917.49 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 42.36 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 31.35 ha) và 43 danh mục dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách với diện tích 671.0 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 26.76 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 27.35 ha, đất rừng phòng hộ: 1.58 ha).

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Danh mục dự án, công trình thu hồi đất năm 2019	Diện tích công trình	Sử dụng đất nông nghiệp				
			Tổng	Trong đó			
				LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG (67 DANH MỤC)	917.49	83.79	42.36	31.35	1.58	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (24 danh mục)	246.49	45.75	15.60	4.0	-	-

	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (43 danh mục)	671.00	38.04	26.76	27.35	1.58	-
1	THÀNH PHỐ TAM KỶ (05 danh mục)	117.0	12.0	10.8	1.2	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (02 danh mục)	36.0	3.96	3.96	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (3 danh mục)	81.0	8.0	6.8	1.2	-	-
2	THÀNH PHỐ HỘI AN (02 danh mục)	31.67	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (2 danh mục)	31.67	-	-	-	-	-
3	HUYỆN NÚI THÀNH (04 danh mục)	90.50	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (02 danh mục)	78.00	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (02 danh mục)	12.50	-	-	-	-	-
4	HUYỆN PHÚ NINH (01 danh mục)	35.0	4.0	-	4.0	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (01 danh mục)	35.0	4.0	-	4.0	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
5	HUYỆN THẮNG BÌNH (22 danh mục)	223.95	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (22 danh mục)	223.95	-	-	-	-	-
6	HUYỆN QUẾ SƠN (03 danh mục)	82.92	35.0	9.0	26.0	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (2 danh mục)	75.02	35.0	9.0	26.0	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (1 danh mục)	7.9	-	-	-	-	-
7	HUYỆN DUY XUYỀN (17 danh mục)	22.47	2.79	2.64	0.15	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (17 danh mục)	22.47	2.79	2.64	0.15	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN (09 danh mục)	153.40	28.46	19.96	8.50	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (9 danh mục)	153.40	28.46	19.96	8.50	-	-
9	HUYỆN NÔNG SƠN (02 danh mục)	4.39	1.58	-	-	1.58	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (2 danh mục)	4.39	1.58	-	-	1.58	-
10	HUYỆN NAM GIANG (01 danh mục)	46.19	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (1 danh mục)	46.19	-	-	-	-	-
11	HUYỆN PHƯỚC SƠN (01 danh mục)	110.0	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (1 danh mục)	110.0	-	-	-	-	-

(Chi tiết Phục lục 2 đính kèm)

b) Danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Gồm 21 danh mục với tổng diện tích 114.51 ha. Trong đó, 05 danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách với diện tích 69.16 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 13.16 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 4.0 ha) và 16 danh mục dự án sử

dụng vốn ngoài ngân sách với diện tích 45.35 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 34.02 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 9.75 ha; đất rừng phòng hộ: 1.58 ha).

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Danh mục dự án, công trình thực hiện trong năm 2019	Sử dụng đất nông nghiệp				
		Tổng	Trong đó			
			LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG (21 DANH MỤC)	114.51	47.18	13.75	1.58	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (05 danh mục)	69.16	13.16	4.0	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (16 danh mục)	45.35	34.02	9.75	1.58	-
1	THÀNH PHỐ TAM KỶ (03 danh mục)	11.96	10.76	1.2	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (02 danh mục)	3.96	3.96	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (01 danh mục)	8.0	6.8	1.2	-	-
2	HUYỆN PHÚ NINH (03 danh mục)	10.21	6.21	4.0	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (01 danh mục)	4.0	-	4.0	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (02 danh mục)	6.21	6.21	-	-	-
3	HUYỆN THĂNG BÌNH (02 danh mục)	16.38	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (02 danh mục)	16.38	-	-	-	-
4	HUYỆN QUẾ SƠN (02 danh mục)	61.2	9.2	-	26.0	-
	Sử dụng ngân sách nhà nước (02 danh mục)	61.2	9.2	-	26.0	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
5	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN (07 danh mục)	28.76	20.26	8.50	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (07 danh mục)	28.76	20.26	8.50	-	-
6	HUYỆN ĐẠI LỘC (01 danh mục)	0.7	0.7	-	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (01 danh mục)	0.7	0.7	-	-	-
7	HUYỆN NÔNG SƠN (02 danh mục)	1.58	-	-	1.58	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (02 danh mục)	1.58	-	-	1.58	-
8	HUYỆN TIỀN PHƯỚC (01 danh mục)	0.1	0.05	0.05	-	-
	Sử dụng vốn ngân sách nhà nước (0 danh mục)	-	-	-	-	-
	Sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước (01 danh mục)	0.1	0.05	0.05	-	-

(Chi tiết Phụ lục 2a đính kèm)

3. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các ngành, địa phương tăng cường trách nhiệm trong công tác rà soát, thẩm định kế hoạch sử dụng đất hằng năm; các danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tham mưu UBND để trình

HĐND tỉnh phải đảm bảo thông tin, hồ sơ thủ tục, quy trình, thời gian theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm, phát sinh những danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đối với các dự án phục vụ cho mục đích công cộng, an ninh quốc phòng, phòng chống thiên tai; các dự án động lực, lan tỏa thu hút đầu tư; các dự án trong danh mục đầu tư công năm 2019 đã được HĐND tỉnh thống nhất, đảm bảo các hồ sơ theo quy định trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến bằng văn bản, triển khai thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đề nghị HĐND cấp huyện cho ý kiến bằng văn bản đối với các danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của địa phương đảm bảo đúng theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh trước khi trình cơ quan cấp trên; tăng cường giám sát việc quản lý, sử dụng đất tại địa phương.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH (Thủy).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang